



CHỨNG TỪ NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mẫu số: 02
Ký hiệu: C1-02/NS
Mã hiệu:
Số: 0025106

Tiền mặt Chuyển khoản
Loại tiền: VND USD Khác: Số tham chiếu:

Người nộp: Hoàng Thị Liễu Mã số thuế: 8545069501

Địa chỉ: tổ 3, khu phố 3B, Thị xã Chơn Thành, Bình Phước

Quận/Huyện: Thị xã Chơn Thành

Tỉnh, TP: Bình Phước

Nộp NSNN theo: 7111 TK thu NSNN

TK tạm thu

TK thu hồi hoàn thuế GTGT

vào tài khoản của KBNN: 1867

Mở tại NH ủy nhiệm thu:

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà

Thanh tra chính

Thanh tra tài chính

Cơ quan có thẩm quyền khác

Tên cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế huyện Chơn Thành

Phản dàn cho người nộp thuế ghi						Phản dàn cho NH ủy nhiệm thu/NH phối hợp thu/KBNN ghi		
STT	Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ(ID)	Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã Chương	Mã NDKT (TM)	Mã DBHC
1	LTB2470710-TK0008679/TB-CCT 000.25.70.H10-240422-0221	02/05/2024 00:00:00	Lệ phí trước bạ nhà đất		1,025,271	757	2801	25441
Tổng cộng:					1,025,271			

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi một đồng

PHẢN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: 1019679

Nợ TK:

Có TK:

Người Nộp Tiền
Người nộp tiền Ngày 2 tháng 5 năm 2024
Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn

Ngày 2 tháng 5 năm 2024
Chữ ký điện tử

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN CỘNG ĐỒNG VIỆT
Ngày ký: 02/05/2024

ĐÃ KIỂM TRA

Trang 1/1

Phương Ngọc Dung



CHỨNG TỪ NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mẫu số: 02
Ký hiệu: C1-02/NS
Mã hiệu:
Số: 0025107

Tiền mặt Chuyển khoản
Loại tiền: VND USD Khác: Số tham chiếu:

Người nộp: Nguyễn Thị Hồng Mã số thuế: 8528536788

Địa chỉ: Ấp 9, Thị xã Chơn Thành, Bình Phước

Quận/Huyện: Thị xã Chơn Thành

Tỉnh, TP: Bình Phước

Nộp NSNN theo: 7111 TK thu NSNN

TK tạm thu

TK thu hồi hoàn thuế GTGT

vào tài khoản của KBNN: 1867

Mở tại NH ủy nhiệm thu:

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà

Thanh tra chính

Thanh tra tài chính

Cơ quan có thẩm quyền khác

Tên cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế huyện Chơn Thành

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/NH phối hợp thu/KBNN ghi		
STT	Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ(ID)	Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã Chương	Mã NDKT (TM)	Mã DBHC
1	LTB2470710-TK0008681/TB-CCT 000.25.70.H10-240422-0221	02/05/2024 00:00:00	Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản		4,101,084	757	1006	25441
Tổng cộng:					4,101,084			

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Bốn triệu một trăm linh một nghìn không trăm tám mươi bốn đồng

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: 1019679

Nợ TK:

Có TK:

Người nộp tiền
Ngày 2 tháng 5 năm 2024
Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn

Ngày 2 tháng 5 năm 2024
Chữ ký điện tử

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN CỘNG ĐỒNG VIỆT
Ngày ký: 02/05/2024

ĐÃ KIỂM TRA

Trang 1/1
Phương Ngọc Dung

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ
THỊ XÃ CHƠN THÀNH

Số: 7729/PCTTĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Bà: **Hoàng Thị Liễu**

Năm sinh: 1973

CCCD số: 079173017871

Địa chỉ thường trú: khu phố 3B, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển nhượng QSDĐ

1.5. Biên nhận số: **000.25.70.H10-240422-0221**

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 1893

Tờ bản đồ số: 31

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 12, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:

* **Khu vực: 2(hai)**

- **Đất ở tại đô thị : Mặt tiền đường:**

+ Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng). Đoạn từ QL 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh

+ Phạm vi: 1(một): 67m²;

- **Đất nông nghiệp:**

+ Trong phạm vi khu dân cư: Phạm vi: 1 (một): 329,2 m²; 2 (hai): 300,9 m²; 3 (ba): 209,3 m²;

+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 1(một)

2.1.4 Diện tích thửa đất: 906,4 m²

- Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 906,4 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển nhượng QSDĐ

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 133m²; Đất trồng cây lâu năm 773,4m²,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 27/01/2049,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:

<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức sau khi chuyển: <p>2.1.10. Giá đất:</p> <p>Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước; Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đất cụ thể: - Giá trung đấu giá: - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất: <p>2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:</p> <p>2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:</p> <p>2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;</p> <p>2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;</p> <p>2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;</p> <p>2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:</p> <p>2.2.6. Nguồn gốc:</p> <p>2.2.7. Năm hoàn công:năm</p> <p>2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm</p>
--

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIÊN ĐỘNG, GHI NỢ, UU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

- 3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biên động):
- 3.1.1. Loại biên động:
- 3.1.2. Loại tài sản biên động:
- 3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)
- 3.2.1. Đối tượng ghi nợ:
- 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:
- 3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính
- 3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:
- 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:
- 3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:
Tên của khoản được trừ:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Hợp đồng/Văn bản về việc chuyển nhượng/tặng cho/thừa kế/phân chia QSDĐ;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính²;

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn